

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan và ông Phạm Văn Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị Linh G, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện nay: Ngõ xxx đường T, khối xx, phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. (có mặt)

*** Bị đơn:** Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Phùng Thị Linh G trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 28/4/2020; trước khi cưới hai người có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với gia đình chồng tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam được khoảng hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do qua tin nhắn và người tình của anh Q gọi điện thoại cho chị thì chị biết việc ngoại tình của anh Q. Sau đó chị

và bố mẹ anh Q nhiều lần khuyên nhủ để anh Q chấm dứt nhưng anh Q vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào cuối năm 2022, chị mang con về quê ở tỉnh Lạng Sơn sinh sống; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn; việc anh Q không tham gia tố tụng tại Tòa để giải quyết việc ly hôn là chỉ nhằm gây khó khăn với chị chứ không phải là để níu kéo chị; thực tế hai người không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để sớm ổn định cuộc sống.

1.2. Về con chung: Chị và anh Q không có con chung nhưng có 01 con nuôi là cháu Vũ Kim N, sinh ngày 06/01/2021 đã được làm thủ tục nhận con nuôi tại Ủy ban nhân dân xã T; hiện tại cháu N đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Chị xác định đang làm việc tại công ty TNHH xuất nhập khẩu HC Logistics thu nhập bình quân 08 triệu đồng/ tháng.

Chị xác định hiện chị không có thai.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Vũ Văn Q không chấp hành giấy triệu tập của Tòa, không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nên không có quan điểm trình bày.

[3] Tại phiên tòa, chị G giữ nguyên quan điểm như đã trình bày; cụ thể: Chị đề nghị được ly hôn anh Q. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Vũ Kim N, sinh ngày 06/01/2021; chị không yêu cầu anh Q góp tiền cấp nuôi con cho chị. Về tài sản, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xác định việc anh Q không tham gia giải quyết việc chị kiện ly hôn tại Tòa án là cố tình nhằm gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn, do vậy chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc anh Q vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân

và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phùng Thị Linh G. Xử cho chị Phùng Thị Linh G ly hôn anh Vũ Văn Q.

- Về con: Giao cháu Vũ Kim N, sinh ngày 06/01/2021 là con nuôi của chị G anh Q cho chị G nuôi dưỡng. Anh Q không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị G.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn – anh Vũ Văn Q đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Linh G và anh Vũ Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 28/4/2020; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu.

Sau khi kết hôn chị G và anh Q về chung sống với gia đình chồng tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam được khoảng hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị G nghi ngờ anh Q có quan hệ ngoại tình tuy nhiên anh Q lại không có việc làm gì để khắc phục nghi ngờ của chị G dẫn đến giữa hai người đã xảy ra cãi chửi nhau. Từ cuối năm 2022 đến nay, chị G về quê sinh sống; mặc dù hai người đã nhiều lần gặp nhau nói chuyện nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Q được Tòa án thông báo, được triệu tập nhưng không tham gia tố tụng để trình bày quan điểm về việc chị G kiện ly hôn. Việc làm này của anh Q thể hiện sự bỏ mặc và gây khó khăn cho chị G trong việc giải quyết ly hôn. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị G luôn có quan điểm mong muốn được ly hôn anh Q. Xét trên thực tế anh chị đã

chấm dứt cuộc sống chung từ cuối năm 2022 đến nay; anh Q cố tình không tham gia tố tụng nên khả năng anh chị đoàn tụ về chung sống là không còn; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị G; xử cho chị G ly hôn anh Q là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con: Chị G và anh Q không có con chung nhưng có 01 con nuôi là cháu Vũ Kim Ngân, sinh ngày 06/01/2021; hiện cháu đang ở với chị G. Chị G, anh Q đã làm thủ tục nhận cháu N làm con nuôi tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Xét tại thời điểm mở phiên tòa (ngày 12/9/2023) cháu N chưa đủ 03 tuổi và đang do chị G trực tiếp nuôi dưỡng; cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G; giao chị G nuôi cháu N sau ly hôn.

Đồng thời Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị G không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu N là tự nguyện; trên thực tế từ khi anh chị sống ly thân thì chị G vẫn một mình nuôi cháu N mà không có sự cấp dưỡng của anh Q do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của chị G.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị G tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Q không tham gia tố tụng tại Tòa án để trình bày quan điểm do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị G và anh Q xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị G phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Phùng Thị Linh G ly hôn anh Vũ Văn Q.

2. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Phùng Thị Linh G: Giao cháu Vũ Kim N, sinh ngày 06/01/2021 cho chị Phùng Thị Linh G nuôi dưỡng. Anh Vũ Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi cháu N cho chị G.

Chị G và các thành viên gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phùng Thị Linh G phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị G đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2021/0000561 ngày 20/7/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị G phải chịu. (Chị G đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T; huyện B;
- UBND xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)